

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 11 LUẬT
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, Luật Công chứng số 53/2014/QH13, Luật Dược số 105/2016/QH13, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Điện lực số 28/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2012/QH13, Luật Hóa chất số 06/2007/QH12, Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Luật Trẻ em số 102/2016/QH13.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn thực phẩm

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Xây dựng chiến lược quốc gia về an toàn thực phẩm.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 62 như sau:

“a) Chủ trì xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược quốc gia về an toàn thực phẩm;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 62 như sau:

“a) Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63 như sau:

“1. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 như sau:

“1. Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và văn

bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 64 như sau:

“4. Ban hành chính sách phát triển chợ, siêu thị; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định điều kiện kinh doanh thực phẩm tại các chợ, siêu thị.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:

“1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương để bảo đảm việc quản lý được thực hiện trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng phải tuân theo quy định của Luật này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Khi thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này, Văn phòng công chứng phải đăng ký nội dung thay đổi tại Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đã đăng ký hoạt động.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 69 như sau:

“b) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành chính sách phát triển nghề công chứng;

c) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành hướng dẫn, quản lý hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng;”.

4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 70.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

“a) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách phát triển công nghiệp dược;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 10 như sau:

“c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức phát triển vùng nuôi trồng dược liệu, triển khai các biện pháp bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn dược liệu;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc

trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp hóa dược.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 10 như sau:

“a) Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng cơ chế tài chính, huy động và bảo đảm nguồn lực để thực hiện kế hoạch phát triển công nghiệp dược trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 8 Điều 10 như sau:

“a) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách phát triển công nghiệp dược phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và lợi thế của địa phương;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 104 như sau:

“5. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm của Nhà nước, quy định về hệ thống tổ chức, cơ sở vật chất và hoạt động của các cơ sở kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Nhà nước.”.

7. Bãi bỏ Điều 9.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Căn cứ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng thuộc khu kinh tế.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế

1. Căn cứ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quy hoạch và bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

2. Đối với địa phương gặp khó khăn trong bố trí quỹ đất phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động trong khu công nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt việc điều chỉnh quy hoạch để dành một phần diện tích đất phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 33 như sau:

“c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành

chính - kinh tế đặc biệt (nếu có); đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 35 như sau:

“c) Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có);”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công

1. Bổ sung khoản 5 vào Điều 5 như sau:

“5. Đầu tư lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của đất nước và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 21 như sau:

“d) Sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 như sau:

“2. Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 46 như sau:

“a) Khi điều chỉnh mục tiêu và thay đổi điều kiện thực hiện trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 47 như sau:

“b) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 50 như sau:

“c) Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 như sau:

“1. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án lập quy hoạch.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập quy hoạch và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Vốn chuẩn bị đầu tư được bố trí để:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;

b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

2. Vốn lập quy hoạch được bố trí để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Vốn thực hiện dự án được bố trí để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới.

4. Việc cân đối vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập quy hoạch và vốn thực hiện dự án theo quy định của Chính phủ.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 96 như sau:

“1. Đề xuất chương trình, dự án phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch trong từng thời kỳ.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Quy hoạch phát triển điện lực

1. Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành quốc gia làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư phát triển điện lực.

2. Việc lập quy hoạch phát triển điện lực phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:

a) Căn cứ vào chiến lược phát triển năng lượng quốc gia;

b) Phù hợp với định hướng phát triển các nguồn năng lượng sơ cấp cho phát điện gồm cả nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

3. Thời kỳ quy hoạch phát triển điện lực là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch phát triển điện lực là từ 30 năm đến 50 năm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực

1. Bộ Công thương tổ chức lập quy hoạch phát triển điện lực trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập nội dung phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển điện lực

Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh và đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển điện lực theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

4. Bãi bỏ Điều 8a.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hóa chất

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống kiểm soát an toàn hóa chất quốc gia, cơ sở dữ liệu thông tin an toàn hóa chất.”.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 10 như sau:

“5. Địa điểm bố trí khu công nghiệp, cơ sở sản xuất hóa chất phải phù hợp với đặc điểm, tính chất của hóa chất và công nghệ sản xuất, bảo quản hóa chất, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn hóa chất.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 49 như sau:

“3. Phục vụ điều tra, khảo sát để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển công nghiệp hóa chất;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 63 như sau:

“a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển công nghiệp hóa chất; quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất;”.

5. Bãi bỏ Điều 8 và Điều 9.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và công nghệ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Việc lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ;

b) Gắn kết tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng những lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Phục vụ hoạt động hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan khác của Nhà nước.”.

5. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 67.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc lá phải phù hợp với mục tiêu từng bước giảm nguồn cung cấp thuốc lá, phù hợp với việc giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá.”.

2. Bãi bỏ Điều 20 và khoản 1 Điều 21.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, quy hoạch tổng thể về năng lượng, chương trình sử dụng năng lượng

1. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp năng lượng ổn định, an toàn; sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng;

b) Dự báo cung, cầu năng lượng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hài hòa, cân đối giữa các ngành than, dầu khí, điện lực và các năng lượng khác;

c) Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên phát triển hợp lý công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo;

d) Xây dựng và thực hiện lộ trình chế tạo phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng.

2. Quy hoạch tổng thể về năng lượng là quy hoạch ngành quốc gia. Việc lập quy hoạch tổng thể về năng lượng phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, chương trình sử dụng năng lượng.

Bộ Công thương tổ chức lập quy hoạch tổng thể về năng lượng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 25.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trẻ em

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương; ưu tiên bố trí nguồn lực để bảo vệ trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em; bảo đảm điều kiện, thời gian, thời điểm thích hợp để trẻ em được tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 57 như sau:

“1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập thuộc thẩm quyền quản lý và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện việc phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý và kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 74 như sau:

“a) Xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 79 như sau:

“2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội để xem xét, đánh giá những vấn đề liên quan đến trẻ em trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi thẩm tra quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 82 như sau:

“2. Tham gia ý kiến bằng văn bản về những vấn đề liên quan đến trẻ em gửi ban soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và văn bản quy phạm pháp luật khác; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi xây dựng quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành, địa phương.”.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2018.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Đã ký: Nguyễn Thị Kim Ngân

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: **07** /SY-VPCTN

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018
KT. CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC



Giang Sơn